

**CÔNG TY C PH N UT VÀ XÂY D NG
SAO MAI T NH AN GIANG**

-----o0o-----

PH NG ÁN

**T NG V N I UL
CÔNG TY C PH N UT VÀ XÂY D NG SAO MAI
T NH AN GIANG**



**T CH C P.HÀNH : CÔNG TY C PH N UT VÀ XÂY D NG
SAO MAI T NH AN GIANG (ASM)**

A CH : 326 Hùng V ng, Ph ng M Long, Thành ph Long
Xuyên, t nh An Giang

I N THO I : **076. 3840138**

FAX : **076. 3840139**

WEBSITE : <http://www.saomaiaj.vn>

I DI N : **ÔNG LÊ THANH THU N – CH T CH H QT**

An Giang, ngày 20 tháng 03 n m 2010

C N C PHÁP LÝ CHO VI C PHÁT HÀNH C PHI U

- C n c Lu t doanh nghi p s 60/2005/QH11 do Qu c h i n c CHXHCN Vi t Nam ban hành ngày 29/11/2005;
- C n c Lu t ch ng khoán s 70/2006/QH11 do Qu c h i n c CHXHCN Vi t Nam ban hành ngày 29/06/2006;
- C n c Ngh nh s 14/2007/N -CP do Chính ph n c CHXHCN Vi t Nam ban hành ngày 19/01/2007;
- C n c Thông t s 17/2007/TT-BTC và Thông t s 18/2007/TT-BTC ngày 13/3/2007 do B tài chính n c CHXHCN Vi t Nam ban hành;
- C n c vào k ho ch s n xu t kinh doanh c a Công ty c ph n u t & xây d ng Sao Mai t nh An Giang n m 2010 c trình t i cu c h p i h i ng c ông th ng niên.

I. TÌNH HÌNH HO T NG KINH DOANH C A CÔNG TY C PH N U T & XÂY D NG SAO MAI T NH AN GIANG TRONG HAI N M G N NH T VÀ K HO CH KINH DOANH N M 2010

1. Tình hình ho t ng kinh doanh

n v tính: VND

Ch tiêu	N m 2008	N m 2009
T ng giá tr tài s n	871.427.534.676	759.206.213.840
Doanh thu thu n	280.646.972.107	546.925.612.708
L i nhu n t ho t ng kinh doanh	15.636.200.029	57.163.425.673
L i nhu n khác	68.459.343	590.312.053
L i nhu n tr c thu	25.286.174.825	68.250.757.620
Lãi c b n trên c phi u (EPS)	4.495	10.807

(Ngu n: theo Báo cáo tài chính h p nh t ã c kì m toán)

2. K ho ch kinh doanh n m 2010

STT	Ch tiêu	n v tính	N m 2010
1	V n i u l	ng	153.000.000.000
2	Doanh thu thu n	ng	600.000.000.000
3	L i nhu n tr c thu	ng	92.000.000.000
4	L i nhu n sau thu	ng	80.000.000.000
5	T su t l i nhu n sau thu /doanh thu thu n	%	13,33
6	T su t l i nhu n sau thu /v n i u l bình quân (ROE)	%	52,29
7	C t c d ki n	%	30
8	Lãi c b n trên c phi u (EPS) d ki n	ng	5.229

II. PH NG ÁN PHÁT HÀNH

1. Ph ng án phát hành t ng thêm

- 1.1. S l ng phát hành: 5.387.400 c ph n;

- 1.2. Tỷ lệ số phiếu phát hành tăng thêm/Tổng số phiếu hiện có: 54,3%;
- 1.3. Loại hình khoán phát hành: Công khai thông;
- 1.4. Mức giá: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- 1.5. Thời gian đăng ký phát hành: Quý II/2010;
- 1.6. Đối tượng mua cổ phiếu: Công nhân, Hội đồng quản trị và CBCNV Công ty cổ phần Đầu tư & xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.

Hội đồng quản trị công ty xin đề nghị án phát hành như sau:

✓ **Phát hành cho công nhân: 4.956.300 cổ phiếu (tổng số 50% vốn điều lệ)**

- Mỗi công nhân được quyền mua thêm với tỷ lệ 2:1 (chức công nhân 2 cổ phiếu được quyền mua thêm 1 cổ phiếu mới) với giá 20.000 đồng/cổ phiếu.
- Công nhân được quyền mua cổ phiếu có quyền chuyển nhượng quyền mua của mình miễn cho người khác nhau hoặc tự mình mua.

✓ **Phát hành miễn phí không quá 198.252 cổ phiếu (tổng số 2% vốn điều lệ)** cho tất cả CBCNV công ty có tên trong danh sách lao động của ASM tính đến thời điểm chốt danh sách công với giá 20.000 đồng/cổ phiếu. Việc bán cổ phiếu cho người lao động theo Quy chế do Hội đồng quản trị công ty xây dựng trên cơ sở m.b.o các nguyên tắc sau:

- Khi lập kế hoạch phân bổ bán cho người lao động cần vào chức danh, thâm niên công tác, mức đóng góp và thành tích đóng góp của người lao động vào công ty;
- Qui định ưu tiên ràng buộc về thời gian làm việc tại công ty, ý thức chấp hành nhiệm vụ, thái độ làm việc;

✓ **Phát hành cho Hội đồng quản trị: 232.848 cổ phiếu (tổng số 2,3% vốn điều lệ)** với giá 20.000 đồng/cổ phiếu. Phương thức phát hành do Hội đồng quản trị quyết định như sau m.b.o các nguyên tắc ghi như phát hành cho CBCNV.

1.7. X lý số phiếu và cổ phiếu tự mình mua

- m.b.o không có vượt quá số lượng cổ phiếu phát hành, số lượng cổ phiếu phân bổ quyền mua để làm tròn xuống hàng ngàn;
- Số lượng cổ phiếu (nếu có) và tự mình mua số Hội đồng quản trị phân phối cho các đối tượng khác theo những ưu tiên phù hợp, những giá không thấp hơn 20.000 đồng/cổ phiếu.

1.8. Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành: 15.300.000 cổ phiếu;

1.9. Vốn điều lệ sau khi phát hành: 153.000.000.000 đồng;

1.10. Số tiền thu được từ phát hành (đăng ký): 107.748.000.000 đồng;

TT	Đối tượng phát hành	Giá phát hành (đồng/cp)	Số lượng phát hành (cổ phiếu)	Tổng số tiền thu được (đồng)	Thặng dư (đồng)
1	Công nhân	20.000	4.956.300	99.126.000.000	49.563.000.000
2	CBCNV	20.000	198.252	3.965.040.000	1.982.520.000

3	H i ng qu n tr	20.000	232.848	4.656.960.000	2.328.480.000
	T ng	x	5.387.400	107.748.000.000	53.874.000.000

1.11. Ph ng án s d ng v n thu c t t phát hành:

T ng s t i n d k i n thu c t t chào bán d k i n là 107,748 t ng. Công ty s s d ng tài tr cho hai D án Khu ô th Cao c p Sao Mai t i Th tr n T nh Biên và D án Khu dân c - Trung tâm th ng m i v h ng ông th tr n Tri Tôn; Ph n còn l i b sung vào ngu n v n l u ng ph c v cho s n xu t kinh doanh c a Công ty. K ho ch s d ng v n thu c t t phát hành nh sau:

VT: tri u ng

STT	i t ng s d ng v n	S t i n
1	Khu dân c - Trung tâm th ng m i v h ng ông th tr n Tri Tôn, huy n Tri Tôn	50.000
2	Khu ô th cao c p Sao Mai Th tr n T nh Biên	30.000
3	B sung ngu n v n l u ng	27.748
	T ng	107.748

Báo cáo tóm t t d án:

a. D án Khu dân c trung tâm th ng m i v h ng ông Th tr n Tri Tôn

✓ M c tiêu c a d án

- M c tiêu c a d án là xây d ng m i h t ng k thu t khu dân c ô th ph c v nhu c u cho nhân dân và phát tri n ô th trên a bàn t nh nói chung, th tr n Tri Tôn nói riêng;
- B trí các khu ch c n ng, ch , trung tâm th ng m i theo mô hình ô th cao c p, m b o n nh lâu dài, thu n t i n cho vi c i l i và mua s m c a ng i dân trong vùng.

✓ a i m u t : D án u t t i Th tr n Tri Tôn, huy n Tri Tôn, T nh An Giang. Ranh gi i c a d án nh sau:

- Phía B c giáp ng i vào nhà máy g ch Tuynen;
- Phía Nam giáp t nh l 941 và kênh M c C n D ng;
- Phía ông giáp t ru ng;
- Phía Tây giáp ng 3 th áng 2 (Ch th tr n) và kênh m i.

✓ Quy mô, hình th c u t

- Di n tích khu t l p d án: 312.924 m²;
- Dân s d k i n: 5.300 ng i;
- Khu t d k i n c phân thành 1.306 n n.

✓ T ng v n u t theo h ng m c:

n v t i nh: tri u ng

STT	H ng m c	Ký hi u	Di n gi i	Chi phí tr c thu	Chi phí sau thu
1	Giá tr xây l p	A		67.161,30	73.877,42
1	San n n			28.285,22	31.113,74

2	Hệ thống giao thông			16.524,75	18.177,22
3	Hệ thống thoát nước			10.976,64	12.074,30
4	Hệ thống cấp điện			6.779,60	7.457,56
5	Hệ thống cấp nước			1.195,09	1.314,60
6	Xây dựng công trình			800,00	880,00
7	Xây dựng 2 cột			1.800,00	1.980,00
8	Công viên – cây xanh			800,00	880,00
II	Kiểm thi các bộ khác	B		36.515,68	36.549,33
1	Khảo sát			60,00	66,00
2	Lập dự án xây dựng			120,00	132,00
3	Bí quyết giám sát mặt bằng			36.179,22	36.179,22
4	Chi phí pháp lý xây dựng			156,46	172,11
III	D phòng chi	C	(A + B)*10%	10.367,90	11.042,88
Cộng (A + B + C)				114.044,88	121.469,63

✓ **Tình hình chi dự án**

VT: triệu đồng

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC ẪN LÀM	GIÁ TR
1	Bí quyết chi 75% dự tính chi dự án	28.134,55
2	Chi phí thuê khu tái thiết và san lấp mặt bằng	12.446,08
3	Chi phí khác	1.636,85
Tổng cộng		42.217,48

✓ **Kho chi các hạng mục còn lại chi dự án trong năm 2010**

Nếu phát hành này thành công công ty sẽ nhanh tiến hoàn thành dự án và vào khai thác trong năm, góp phần làm tăng doanh thu và lợi nhuận cho công ty. Dự kiến các hạng mục cần chi trong năm là:

VT: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	GIÁ TR
1	Bí quyết chi phần còn lại chi dự án	8.044
2	Hoàn thành việc san lấp toàn bộ dự án và mặt cắt ngang khai thác dự án gồm: giao thông, thoát nước, cấp điện, cấp nước	37.400
3	Chi phí khác	4.556
Tổng cộng		50.000

✓ **Tình hình khai thác dự án: chi**

✓ **Lợi ích và hiệu quả tính chi dự án**

Lợi ích chi dự án này là nhằm mục đích trung tâm của huyện Tri Tôn nên thu lợi cho việc kinh doanh mua bán và sinh hoạt của người dân. Tuy nhiên, sau khi dự án hoàn thành chi trung tâm của huyện sẽ đi vào, đây là lợi ích rất lớn kích thích

khâu bán n n c a D án. i n hình là, trong th i gian u t ch a c phép chuyển nh ng, nh ng s l ng n n khách hàng t c c mua là r t cao (h n 230 n n chỉ m g n 18% s l ng n n toàn d án), i u này cho th y nhu c u c a khách hàng t i d án này là r t l n.

B ng 1: Doanh thu và l i nhu n c tính c a d án

n v tính: tri u ng

Lo i n n	Lô	S l ng n n	Di n tích (m ²)	Di n tích trung bình m t n n (m ²)	n giá bán có thu và phí (ng/m ²)	T ng thu
	<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e</i>	<i>f = c x e</i>
Lo i 1	L3, L10, L15, L16, L17, L18, L19, L20, L21, L22, L23	155,00	14.164,00	91,00	3,00	42.492,00
Lo i 2	L1, L2, L3, L5, L6, L7, L8, L9, L10, L11, L12, L13, L14, L16, L17, L18, L19, L21, L22, L23	310,00	27.208,00	88,00	2,00	54.416,00
Lo i 3	L1, L2, L3, L4, L5, L6, L7, L8, L9, L10, L11, L12, L13, L14, L15, L16, L17, L18, L19, L20, L21, L22, L23	482,00	38.494,00	80,00	1,50	57.741,00
Lo i 4	L24, L25, L26, L27, L28, L29, L30, L31, L32, L33	359,00	22.880,00	64,00	1,15	26.312,00
Lo i 4	Kh i hành chính, Trung tâm th ng m i d ch và ch	1,00	47.293,00	47.293,00	1,15	54.386,95
	T ng	1.306,00	150.039,00	x	x	235.347,95

Nh v y l i nhu n t c c a d án là 235.347.950.000 ng - 121.470.000.000 ng = 113.877.950.000 ng.

B ng 2: Ti n bán n n

N m	N n lo i 1		N n lo i 2		N n lo i 3		N n lo i 4		Di n tích t khác (m ²)	T ng di n tích chuyển nh ng (m ²)
	SL n n	Di n tích (m ²)	SL n n	Di n tích (m ²)	SL n n	Di n tích (m ²)	SL n n	Di n tích (m ²)		
	<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e</i>	<i>f</i>	<i>g</i>	<i>h</i>		
2010	40	3.640	60	5.280	100	8.000	80	5.120		<i>J=b+d+f+h+i</i> 22.040
2011	50	4.550	100	8.800	150	12.000	100	6.400		31.750
2012	50	4.550	100	8.800	150	12.000	100	6.400		31.750
2013	15	1.424	50	4.328	82	6.494	79	4.960	47.293	64.499
T ng	155	14.164	310	27.208	482	38.494	359	22.880	47.293	150.039

t khác: là t hành chính, trung tâm th ng m i và ch ,...

B ng 3: D ki n doanh thu và l i nhu n qua các n m

n v tính: tri u ng

N m	Doanh thu					T ng doanh thu	Giá v n	L i nhu n
	Lo i 1	Lo i 2	Lo i 3	Lo i 4	t khác			
	<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e</i>			
2010	10.920	10.560	12.000	5.888		39.368	17.843	21.525
2011	13.650	17.600	18.000	7.360		56.610	25.704	30.906
2012	13.650	17.600	18.000	7.360		56.610	25.704	30.906

2013	4.272	8.656	9.741	5.704	54.387	82.760	52.218	30.542
T ng	42.492	54.416	57.741	26.312	54.387	235.348	121.470	113.878

(*): b ng c t j b ng 2 nhân (x) v i giá thành. Giá thành c a d án là 809.590 ng/m² (T ng chi phí u t chia cho di n tích t c kinh doanh)

b. D án Khu ô th cao c p Sao Mai Th tr n T nh Biên, huy n T nh Biên, t nh An Giang

✓ **M c tiêu c a d án:**

- Xây d ng m i h t ng k thu t khu ô th ph c v nhu c u cho nhân dân và phát tri n ô th trên a bàn t nh nói chung, th tr n T nh Biên nói riêng, góp ph n vào s phát tri n chung c a huy n vùng biên gi i;
- B trí quy ho ch phù h p môi tr ng, c nh quan trong khu v c d án và lân c n.

✓ **a i m u t :** D án u t t i Th tr n T nh Biên, huy n T nh Biên, T nh An Giang. Ranh gi i c a d án:

- Phía B c giáp ng Xuân Tô 1 – Ch T nh Biên;
- Phía Nam giáp t ru ng;
- Phía ô ng giáp ng Xuân Tô 1;
- Phía Tây giáp T nh l 955A (kênh V nh T).

✓ **Quy mô:**

- Di n tích khu t l p d án: 203.124 m²;
- Dân s d ki n: 4.215 ng i;
- Khu t d ki n c phân thành 843 n n.

✓ **T ng v n u t**

n v tính: tri u ng

STT	H ng m c	Ký hi u	Di n gi i	Chi phí tr c thu	Chi phí sau thu
I	Giá tr xây l p	A		39.376,91	43.314,60
1	San n n			10.759,16	11.835,08
2	Giao thông			16.095,56	17.705,12
3	Thoát n c			7.762,12	8.538,33
4	C p i n			2.982,46	3.280,71
5	C p n c			542,28	596,51
6	Cây xanh			1.235,33	1.358,86
II	Ki n thi t c b n khác	B		21.795,83	21.823,99
1	Kh o sát		Tho thu n	60,00	66,00
2	L p d án		Tho thu n	120,00	132,00
3	B i hoàn gi i phóng m t b ng			21.514,27	21.514,27
4	o c c p phép xây d ng		500 x 203.124m ²	101,56	111,72
	T ng chi phí (A + B)			61.172,74	65.138,59

✓ **Ti n th c hi n d án**

D án n nay ã hoàn thành d t i m vi c b i hoàn và ang trong quá trình u t vào c s h t ng t i n t i khai thác trong n m 2010. Các h ng m c ã th c hi n nh sau:

VT: tri u ng

STT	N I DUNG CÔNG VI C ã LÀM	GIÁ TR
1	B i hoàn xong d án	16.830,72
2	ang thi công H th ng thoát n c, bó v a, ng giao thông	4.000,00
3	San l p t 80% di n tích toàn d án	8.919,03
4	Chi phí khác	1.016,64
T ng c ng		30.766,39

✓ **K ho ch ut các h ng m c còn l i c a d án trong n m 2010**

Thu n l i c a d án này là ã b i hoàn d t i m, do ó vi c ut c s h t ng không g p khó kh n. Vì v y, n u có ngu n v n áp ng nhu c u công ty s ut hoàn thi n toàn b c s h t ng trong n m.

✓ **Tình hình khai thác d án: ch a**

✓ **L i th và hi u qu ut c tính c a d án**

c i m c a d án này là giáp v i ch và trung tâm th ng m i c a kh u Qu c t T nh Biên, n i t p k t hàng hóa giao th ng gi a hai n c Vi t Nam và Campuchia. H n n a khi d án này hoàn thành s có y c s h t ng k thu t ph c v t t nhu c u sinh s ng c a ng i dân trong vùng, mà n nay ch a có khu dân c nào khu v c này áp ng c. Vì v y, tuy d án ch a a vào khai thác nh ng n nay ã có 227 n n c khách hàng t c c, cho th y nhu c u c a khách hàng t i d án này c ng r t cao.

B ng 4: Doanh thu và l i nhu n c tính c a d án

n v tính: tri u ng

Lo i n n	Lô	S l ng n n	Di n tích (m ²)	Di n tích trung bình m t n n (m ²)	n giá bán có thu và phí (ng/m ²)	T ng thu
[a]	[b]	[c]	[d]	[e]=[d]/[c]		
Lo i 1	L2, L8, L9, 10, L11, L16, L17	94,00	8.651,00	92,00	2,00	17.302,00
Lo i 2	L2, L3, L5, L6, L7, L8, L9, L10, L11, L12, L13, L14, L15, L16, L17, L18, L19, L20, L21	363,00	33.738,00	93,00	1,60	53.980,80
Lo i 3	L1, L2, L4, L5, L6, L7, L8, L9, L10, L11, L12, L13, L14, L15, L16, L17, L18, L19	386,00	36.088,00	93,00	1,20	43.305,60
Lo i 4	t nhà hàng, khách s n	1,00	24.472,00	24.472,00	1,20	29.366,40
T ng		843,00	102.949,00	x	x	143.954,80

Nh v y l i nhu n t c c a d án là 143.954.800.000 ng – 65.138.590.000 ng = 78.816.210.000 ng.

B ng 5: T i n bán n n

N m	N n lo i 1		N n lo i 2		N n lo i 3		Di n tích t Khác	T ng di n tích CN
	SL n n	Di n tích	SL n n	Di n tích	SL n n	Di n tích		
	a	b	c	d	e	f	g	$h=b+d+f+g$
2010	30	2.760	80	7.440	100	9.300		19.500
2011	30	2.760	100	9.300	100	9.300		21.360
2012	34	3.131	100	9.300	100	9.300		21.731
2013	-		83	7.698	86	8.188	24.472	40.358
T ng	94	8.651	363	33.738	386	36.088	24.472	102.949

t khác: là t nhà hàng, khách s n

B ng 6: D ki n doanh thu và l i nhu n qua các n m

n v tính: tri u ng

N m	Doanh thu				T ng doanh thu	Giá v n	L i nhu n
	Lo i 1	Lo i 2	Lo i 3	t khác			
	a	b	c	d	$e=a+b+c+d$	$f=(*)$	$g=e-f$
2010	5.520,00	11.904,00	11.160,00		28.584,00	12.338,17	16.245,83
2011	5.520,00	14.880,00	11.160,00		31.560,00	13.515,04	18.044,96
2012	6.262,00	14.880,00	11.160,00		32.302,00	13.749,79	18.552,21
2013	-	12.316,80	9.825,60	29.366,40	51.508,80	25.535,59	25.973,21
T ng	17.302,00	53.980,80	43.305,60	29.366,40	143.954,80	65.138,59	78.816,21

(*): b ng c t h b ng 5 nhân (x) v i giá thành. Giá thành c a d án là 632.727 ng/m² (T ng chi phí u t chia cho di n tích t c kinh doanh).

2. L u ký và niêm y t b sung

Sau khi hoàn t t t phát hành, công ty s t i n hành ngay các th t c l u ký và niêm y t b sung toàn b s l ng c phí u phát hành thêm trên S giao d ch ch ng khoán Thành ph H Chí Minh.

3. Các qui nh khác c a c phí u phát hành thêm

- c t do chuy n nh ng, tr nh ng tr ng h p b h n ch chuy n nh ng theo quy nh c a pháp lu t;
- c chuy n quy n s h u đ i các hình th c mua, bán, cho, t ng, trao i ho c c m c vay v n t i các t ch c tín d ng n u c các t ch c này ch p thu n.

III. L ÍCH C A T PHÁT HÀNH

1. i v i Sao Mai An Giang (ASM):

- Có ngu n v n y nhanh t i n th c hi n đ án phòng giá t và v t t t ng t b i n, c b i t là giá cát san l p góp ph n làm t ng hi u qu cho đ án;
- V n ch s h u t ng t ó nâng cao n ng l c tài chính, thu n l i h n trong vi c xin nh n th u nh ng đ án l n và kh n ng c nh tranh trên th tr ng;
- Giúp công ty t ch ngu n v n trong kinh doanh và u t các đ án, ng th i gi m b t s l thu c quá nhi u vào v n vay Ngân hàng và góp ph n duy trì c c u tài chính m c an toàn.

2. i v i c ông:

- Các tài sản chuyển vào ASM thông qua việc mua thêm cổ phần với giá ưu đãi. Việc phát hành lần này tương tự như sau thu trên vốn ưu đãi với mức khá cao (năm 2010 đạt trên 52%);
- Sau khi phát hành, thanh giá cổ phiếu sử dụng (do bị pha loãng) làm tăng tính thanh khoản của cổ phiếu. Ngoài ra số tiền thu được từ phát hành, trong những năm tiếp theo bổ sung vào vốn ưu đãi thông qua việc phát hành cổ phiếu thường.

3. **Việc CBCNV:**

Về phía CBCNV của ASM, việc mua cổ phiếu với giá ưu đãi sẽ không viên, khuyến khích tinh thần làm việc và sẵn lòng cống hiến lâu dài của CBCNV với công ty.

Ngoài những lợi ích đã nêu trên, thì việc sớm hoàn thành và đưa hai dự án Khu đô thị cao cấp Sao Mai Thới Sơn Tân Biên và Khu dân cư trung tâm thành phố Hồ Chí Minh Ông Thới Sơn Tri Tôn vào khai thác sẽ góp phần làm tăng doanh thu và lợi nhuận đáng kể cho Công ty trong giai đoạn năm 2010 đến năm 2013. Vì vậy, Hội đồng quản trị kính nghị Hội đồng xem xét thông qua phương án, đồng thời quy định cho Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện việc phát hành và niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm của Công ty tại Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM sau khi hoàn tất phát hành.

**TM H I NG QU N TR
CH T CH**

LÊ THANH THU N